

VẤN ĐỀ NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN VÀ NÔNG DÂN TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÙNG TÂY NGUYÊN

BÙI QUANG DŨNG, NGUYỄN HOÀI SƠN

Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Trong bài viết, vấn đề nông nghiệp, quản lý xã hội nông thôn và nông dân Tây Nguyên được đặt trong cách tiếp cận đa chiều, tương tác liên hệ thống, trong mối quan hệ vùng, liên vùng và hội nhập quốc tế. Từ đó, tập trung phân tích và tìm kiếm những giải pháp về mặt thể chế và chính sách cho vấn đề tam nông ở Tây Nguyên.

Nông nghiệp

Trong bối cảnh phát triển chung, bức tranh kinh tế nông nghiệp Tây Nguyên hơn hai thập kỷ qua có nhiều biến đổi sâu sắc. Những tộc người thiểu số tại chỗ đã chuyển từ hình thức canh tác nương rẫy du canh, du cư cổ truyền sang định canh, định cư gắn với cây lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày và duy trì khai thác các nguồn lợi từ rừng. Sinh kế của các tộc người đến từ khu vực miền núi phía Bắc là sự đan xen giữa canh tác lúa nước rải rác và cây công nghiệp. Bên cạnh những hình thái kinh tế tiểu nông này là sự xuất hiện của “nông gia” nắm trong tay các trang trại có quy mô sản xuất khá lớn. Dù đạt được một số thành tựu quan trọng song về tổng thể, kinh tế nông nghiệp khu vực Tây Nguyên vẫn lộ rõ những hạn chế, yếu kém về chất lượng, sản lượng, năng lực cạnh tranh, định hướng thị trường trong bối cảnh toàn cầu hoá. Nông nghiệp giữ vai trò rất quan trọng trong cơ cấu kinh tế của các tỉnh Tây Nguyên. Năm 2011, tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu giá trị kinh tế các tỉnh dao động từ 43-54%. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2000-2005 đạt trên mức 7%. Từ năm 2006 đến nay, tốc độ này có sự phân hoá khi hai tỉnh Lâm Đồng và Đắk Nông đạt trên mức kế hoạch đề ra, trong khi Kon Tum, Gia Lai và Đắk Lắk lại chỉ đạt dưới 7%. Do vậy, việc tiến hành tái cấu trúc nền nông nghiệp Tây Nguyên, tháo gỡ những điểm nghẽn về mặt thể chế chính sách nhằm thúc đẩy các chủ thể sản xuất nông nghiệp phát triển là một nhiệm vụ tất yếu. Trong đó, điểm mấu chốt là cần tìm kiếm những động lực để phát huy ưu thế của từng loại hình kinh tế và liên kết những chủ thể này với nhau.

Kinh tế hộ gia đình vẫn là nơi tập trung chủ yếu lực lượng lao động của khu vực Tây Nguyên. Trong truyền thống, kinh tế hộ ở khắp các buôn làng, đặc trưng bởi

phương thức canh tác nương rẫy du canh, du cư. Mỗi hộ gia đình như một tế bào nhỏ của hình thức tổ chức kinh tế công xã gắn với sở hữu cộng đồng về đất đai. Hiện nay, canh tác nương rẫy vẫn tồn tại ở Tây Nguyên song hình thức sở hữu và tính chất đã có nhiều thay đổi. Cây trồng là các loại cây công nghiệp như cà phê, chè, tiêu, cao su được trồng trên các khoảnh đất ngay cạnh nơi sinh sống hoặc trên diện tích nương rẫy đã được cải tạo. Lúa nước và một số cây lương thực như ngô, sắn vẫn tồn tại rải rác ở nhiều nơi. Cũng giống như nhiều khu vực nông thôn ở Việt Nam, sự manh mún, nhỏ lẻ, phân tán về ruộng đất và hàm lượng khoa học kỹ thuật thấp trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến vẫn là đặc điểm chủ yếu của kinh tế hộ ở Tây Nguyên. Theo kết quả điều tra của đề tài *Vấn đề nông nghiệp, nông dân và nông thôn trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên* (mã số TN3/X10, thuộc Chương trình Tây Nguyên 3), có 34% tổng số hộ có 2 mảnh đất canh tác (chiếm tỷ lệ lớn nhất), số hộ sở hữu 1 mảnh chiếm 26,2%, còn lại là số hộ sở hữu từ 3 mảnh đất trở lên. Tình trạng manh mún đất sản xuất này là kết quả của các vấn đề lịch sử khai hoang, phân chia thừa kế cho con cái. Đối với những tộc người theo chế độ mẫu hệ và phụ hệ ở Tây Nguyên, con cái sau khi kết hôn sẽ được cha mẹ chia đất sản xuất từ quỹ đất chung của gia đình. Theo nguyên tắc, các con được phân chia đất khá đồng đều trong khi đất đai có độ phì nhiêu khác nhau, ai cũng có phần trong số đất được xem là tốt nhất nên có sự chông chéo khá phức tạp giữa các thửa đất. Hiện nay, nguyên tắc này vẫn được thực hiện rất phổ biến. Một nguyên nhân nữa có thể được giải thích bởi áp lực từ tăng trưởng dân số cơ học do các cuộc di cư dồn dập, đặc biệt từ sau năm 1975. Ngoài ra, quá trình giao đất trên cơ sở chia đều theo đầu người từ sau Khoán 10 cũng là một yếu tố làm gia tăng tình trạng manh mún đất đai ở Tây Nguyên nói



*Cánh đồng mẫu lúa nước đầu tiên của Tây Nguyên
tại TP Buon Ma Thuật*

riêng và Việt Nam nói chung. Mạnh mún đất đai làm giảm tính hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Sự nhỏ lẻ và rải rác của ruộng đất khiến cho việc cơ giới hoá nông nghiệp vừa thiếu khả thi, vừa không cần thiết. Hơn nữa, các hộ gia đình còn phải đầu tư nhiều thời gian và lao động hơn cho các hoạt động nông nghiệp do các mảnh ruộng nằm phân tán ở nhiều nơi. Các nông hộ vẫn phải duy trì tình thế canh tác nhiều loại cây trồng khác nhau do tính chất và địa hình của các thửa đất sở hữu khác nhau. Tính tập trung hoá và chuyên môn hoá giảm rõ rệt, do đó người nông dân cũng thiếu định hướng thị trường vì phải lo lắng đầu ra cho nhiều loại nông sản. Hiện nay, đa số các nông hộ ở Tây Nguyên vẫn chưa tự chủ được về đầu ra cho sản phẩm của mình. Thông qua các đầu nậu, thương lái, họ đưa sản phẩm “thô” ra thị trường và không có quyền đàm phán về giá cả cũng bởi quy mô sản xuất nhỏ lẻ. Sự phân mảnh về đất sản xuất còn là rào cản đối với việc thay đổi phương thức canh tác theo hướng hiện đại. Kết quả điều tra cho thấy cho thấy 83,7% số hộ vẫn duy trì hình thức canh tác cũ trong hơn 10 năm qua. Số còn lại chuyển đổi canh tác do hình thức canh tác cũ không hiệu quả và năng suất do thay đổi hình thức canh tác mới cao hơn.

Nhiều bằng chứng ở khu vực Tây Nguyên cho thấy các hộ có quy mô ruộng đất tập trung, diện tích sản xuất lớn là cơ sở để người nông dân nâng cao hàm lượng khoa học kỹ thuật. Đây cũng là biến số chính quyết định chất lượng và giá thành các sản phẩm nông nghiệp. Do vậy, sự phát triển của kinh tế hộ gia đình tùy thuộc rất nhiều vào sự chuyển hoá của ruộng đất. Điểm then chốt để phát huy tính năng động của người nông dân nằm ở các thể chế về đất đai. Điều quan trọng về mặt chính sách vĩ mô là giải quyết hài hoà các quan hệ xã hội của quá trình này bởi dù hiện tượng trao đổi đất diễn ra như thế nào, thì cuối cùng, tích tụ ruộng đất ở nhóm cư dân này sẽ tạo ra tình trạng không đất ở một nhóm cư dân khác. Hướng đi hợp lý là đất đai sẽ tập trung trong tay các nông hộ được trang bị vốn, khoa học kỹ thuật, thông tin thị trường và tham gia chuỗi liên kết giá trị với các doanh nghiệp. Bộ phận dân cư không đất sản xuất sẽ trở thành công nhân nông nghiệp hoặc tham gia khu vực phi nông nghiệp. Hướng đi này là hạt nhân của chủ trương hướng tới nền nông nghiệp hàng hoá ở Tây Nguyên, đồng thời cũng là lời giải cho mối quan ngại về tình trạng công bằng và mâu thuẫn xã hội.

Kinh tế trang trại: với đặc điểm quy mô sản xuất vừa phải, trình độ cơ giới hoá, áp dụng khoa học kỹ thuật cao,

mức độ liên kết chặt với các chủ thể sản xuất và tiêu dùng cũng như phát huy tối đa sự chủ động của người nông dân, mô hình kinh tế trang trại là đại diện tiêu biểu cho nền nông nghiệp hàng hoá của các quốc gia có nền nông nghiệp phát triển. Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long là hai khu vực sở hữu nhiều mô hình kinh tế trang trại nhất cả nước. Nhiều trang trại ở Tây Nguyên đã áp dụng khoa học kỹ thuật, góp phần đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, giúp cho nông dân từng bước chuyển từ sản xuất tự cấp, tự túc tiến lên sản xuất hàng hoá có quy mô lớn gắn với thị trường. Tuy nhiên, các trang trại ở Tây Nguyên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế về vốn, năng lực quản lý và kinh nghiệm chưa nhiều, hình thức và phương pháp sản xuất chưa đa dạng, chủ yếu là giải quyết lao động nông nhàn và sử dụng lợi thế tự nhiên, hàm lượng khoa học kỹ thuật thấp, chưa có quy hoạch, định hướng cụ thể nên hiệu quả kinh tế đem lại chưa cao. Vấn đề chất lượng sản phẩm, kiểm soát tồn dư hoá chất, giá thành, sức cạnh tranh, truy xuất nguồn gốc... còn yếu. Việc thúc đẩy kinh tế trang trại ở Tây Nguyên phát triển là tiền đề cho việc phát triển ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, thực phẩm và là động lực cho các loại hình dịch vụ cùng phát triển, khai thác triệt để, có hiệu quả diện tích đất sản xuất nông nghiệp, thu hút và tạo việc làm ổn định cho nhiều lao động tại chỗ, đồng thời huy động được nguồn vốn nhàn rỗi ít sinh lời để đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

Hợp tác xã vừa là một hiệp hội mang tính kinh tế, vừa là doanh nghiệp mang tính chất xã hội để liên kết người nông dân trong sản xuất, bảo vệ họ trước những tác động tiêu cực của thị trường. Số lượng các hợp tác xã ở khu vực Tây Nguyên là khá lớn, song lại thiếu định hướng phát triển và tổ chức quản lý còn yếu kém. Năm 2012, chỉ tính riêng Đắk Lắk, số lượng hợp tác xã là 179 với trên 5.000 tổ hợp tác, 65.000 thành viên, tuy nhiên đóng góp cho tăng trưởng kinh tế địa phương, đặc biệt là khu vực nông thôn còn thấp. Từ sau khi có luật hợp tác xã năm 2012, các hợp tác xã ở Gia Lai đã có một hướng đi mới. Điển hình như các hợp tác xã Tân Nông (huyện Chu Sê), Minh Chung (huyện Đắk Pơ) đã có sự kết nối chặt chẽ với các doanh nghiệp chế biến để giúp nông dân phát triển vùng nguyên liệu, tạo đầu ra cho sản phẩm, làm đầu mối cung ứng vật tư đầu vào ổn định, giá cả hợp lý, tổ chức các nông hộ, hỗ trợ về kỹ thuật, lao động trong sản xuất.

Nhìn sâu vào bức tranh nông nghiệp của khu vực Tây Nguyên, chúng ta thấy được sự phân hoá sâu sắc cùng với những động thái hết sức phức tạp của các chủ thể sản xuất. Mặc dù kinh tế tiểu nông vẫn tồn tại phổ biến và chiếm giữ phần lớn lực lượng lao động, song xem xét các đặc điểm sản phẩm, năng suất lao động và thành tựu ứng dụng khoa học kỹ thuật thì bộ phận năng động nhất lại là kinh tế trang trại. Tỷ lệ nhích dần lên của kinh

tế trang trại trong đóng góp cho tăng trưởng nông nghiệp Tây Nguyên phản ánh xu thế tất yếu của phát triển nông nghiệp ở khu vực này. Vấn đề trọng tâm hiện nay là hiểu đúng vai trò của kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp và có những chính sách đúng đắn để các chủ thể này bắt nhịp được với những áp lực khắt khe của các xung lực kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Quản lý xã hội nông thôn

Quản lý xã hội nông thôn ở Tây Nguyên cũng đang phải đối mặt với những vấn đề hết sức phức tạp. Các thiết chế quản lý truyền thống như Luật tục, Già làng vẫn còn in dấu trong đời sống của các tộc người thiểu số tại chỗ. Tôn giáo, đặc biệt là đạo Tin lành cũng có vai trò lớn trong tổ chức không gian cư trú, không gian xã hội và văn hoá của cư dân nông thôn ở nhiều nơi. Xét thực chất vấn đề thì câu chuyện quản lý xã hội nông thôn của Tây Nguyên phụ thuộc vào việc giải quyết như thế nào mối quan hệ giữa các nhân tố quản trị này. Nhất là trong bối cảnh cư dân nông thôn ở khu vực này đang phân hoá thành những nhóm xã hội với những năng lực, nhu cầu hết sức khác nhau.

Cấu trúc tộc người đa dạng không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển nông nghiệp mà còn tác động sâu sắc đến câu chuyện quản lý xã hội khu vực nông thôn Tây Nguyên. Các nghiên cứu gần đây cho thấy, làng vẫn là nơi nhận diện xã hội của các dân tộc thiểu số tại chỗ và các nhóm dân tộc có nguồn gốc từ miền núi phía Bắc. Trong khi đó, người Kinh cũng sinh sống trong không gian cư trú ấy lại hầu như không chịu sự chi phối của các thiết chế tự quản này. Họ tuân thủ các quy định của pháp luật và sự điều hành của bộ máy quản lý hành chính địa phương.

Luật tục là cơ chế tự phê chuẩn các điều luật và quy định quá trình vận hành của nó. Luật tục được chấp nhận một cách đương nhiên và những người thi hành cũng như những người tuân thủ không đặt ra những nghi ngờ về nó. Về mặt khoa học pháp lý, luật tục ở một phạm vi nhất định cũng có vai trò, giá trị xã hội quan trọng như pháp luật, đó là điều chỉnh các quan hệ xã hội, duy trì và ổn định một trật tự xã hội của cộng đồng, đảm bảo cho cộng đồng tồn tại và phát triển. Nhưng luật tục không phải là pháp luật. So với pháp luật, tính phổ biến của luật tục hạn hẹp hơn, chỉ trong phạm vi một tộc người, hoặc một nhóm tộc người. Tính quy phạm của luật tục cũng khá đơn giản và thiếu chặt chẽ. Vai trò và giá trị thay thế, bổ sung, hỗ trợ của luật tục dù lớn đến đâu cũng không vượt qua vai trò chủ đạo của pháp luật.

Tình hình trở nên phức tạp hơn khi câu chuyện quản lý xã hội khu vực này còn có vai trò của thiết chế tôn giáo. Cha sứ là một trong những nhân vật có vai trò khá quan trọng trong các hoạt động “tư pháp” ở địa phương; là “quan



toà” đầu tiên đứng ra dàn xếp, hoà giải các tranh chấp, bất đồng trong cộng đồng. Kết quả điều tra của chúng tôi cho thấy, 51,3% người dân cho rằng các chức sắc tôn giáo giúp giáo dân giải quyết các khó khăn về sinh kế và 54,6% đồng ý với nhận định về vai trò hoà giải các mâu thuẫn trong gia đình và cộng đồng của nhân vật này.

Quản lý xã hội nông thôn có mối liên quan mật thiết với phát triển kinh tế. Con đường tất yếu của nông nghiệp Tây Nguyên phải là nền nông nghiệp thương phẩm. Như vậy, cần có một cơ chế quản lý theo hướng hiện đại và tất yếu, các thể chế quản lý xã hội gắn liền với nền kinh tế truyền thống sẽ giảm dần vai trò. Cái đích của quản lý xã hội nông thôn Tây Nguyên là đưa các thành viên của một làng trở thành một công dân tuân thủ theo trật tự quản trị thống nhất (pháp luật).

Nông dân

Dân cư nông thôn Tây Nguyên có những thay đổi căn bản do các quá trình dân số học, đặc biệt là di cư và cũng do sự biến đổi của nền kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Điều này đã và đang trực tiếp làm thay đổi “thân phận” của người nông dân, đem đến diện mạo mới cho cư dân nông thôn Tây Nguyên. Bên cạnh những tiểu nông, xuất hiện những người chủ trang trại, những người kinh doanh nông nghiệp, công nhân nông nghiệp, hoạt động dịch vụ ở nông thôn. Đời sống văn hoá xã hội của cư dân nông thôn cũng có nhiều thay đổi đáng chú ý. Các hoạt động sinh kế chung và sinh hoạt cộng đồng (lễ hội, múa hát, diễn xướng công chiêng) là đặc trưng cơ bản cho cơ cấu xã hội cổ truyền ở các buôn làng Tây Nguyên. Đây là nơi diễn ra các hoạt động giao tiếp liên cá nhân chủ yếu của các thành viên trong cộng đồng. Làn sóng hiện đại hoá đã mang đến những phương thức giao tiếp, truyền thông mới ở khu vực nông thôn. Đài truyền hình là phương tiện tiếp nhận thông tin phổ biến nhất, các phương tiện khác như báo chí, internet dù tỷ lệ sử dụng còn thấp song đã xuất hiện. Ở nhiều nơi, người nông dân đã lắp đặt internet tại nhà hoặc đến các điểm truy cập công cộng để tìm hiểu thông tin về giá vật tư nông nghiệp, giá sản phẩm trên thị trường, học hỏi kỹ thuật và kinh nghiệm sản xuất. Với xu thế hiện nay, tỷ lệ sử dụng các phương tiện truyền thông hiện đại sẽ tăng lên, giúp thay đổi đời sống thông tin của người nông dân và tạo đòn bẩy cho sự phát triển.

Không chỉ có những thay đổi trong diện mạo về văn hoá và truyền thông, người nông dân Tây Nguyên cũng bắt đầu có những động thái ứng xử mới đối với vấn đề an sinh xã hội. Thay vì tìm đến các thầy lang, thầy cúng, tự chữa



Mô hình trang trại trồng xen canh các cây trồng có giá trị cao tại Tây Nguyên

bệnh hoặc không chữa trị gì như trước đây, 60,4% những người mắc bệnh nặng được đưa đến bệnh viện tuyến tỉnh hoặc trung ương. Bảo hiểm y tế xuất hiện nhiều hơn trong những lần khám chữa bệnh của người dân. Lựa chọn một phương thức an sinh mới cũng là cách cư dân nông thôn thích ứng với sự thay đổi của môi trường sống. Đây là chỉ báo cho thấy quá trình hiện đại hoá đã thấm vào đời sống khu vực nông thôn Tây Nguyên nhìn từ phương diện an sinh xã hội.

Gắn liền với những bước tiến của nền nông nghiệp, thể chế quản lý xã hội, cư dân nông thôn Tây Nguyên sẽ là chủ thể an sinh xã hội mới. Những hình thức an sinh gắn với làng bản, truyền thống sẽ giảm dần vai trò để nhường chỗ cho các định chế an sinh gắn với các nguyên tắc thị trường. Đây là quá trình có tính quy luật đã diễn ra ở các xã hội nông nghiệp trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Một số kiến nghị

Những phân tích nêu trên đã cung cấp các nét cơ bản về bức tranh nông nghiệp, quản lý xã hội và nông dân Tây Nguyên hiện nay. Sau đây là một số khuyến nghị chính của chúng tôi trong lĩnh vực này ở Tây Nguyên.

Đầu tiên phải nhấn mạnh tầm quan trọng của các thể chế chính sách liên quan tới đất đai, khuyến nông, tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn. Tỷ lệ nhích dần lên của các nhóm lao động trong khu vực nông nghiệp đã được công nghiệp hoá và phi nông nghiệp ở Tây Nguyên phản ánh quá trình giải phóng âm ỉ cư dân nông thôn ra khỏi tình trạng tiểu nông hiện nay. Trong tương lai, những khối dân nông nghiệp sẽ trở thành lực lượng lao động trong khu vực nông thôn đã được hiện đại hoá và là lực lượng hậu bị trong các khu công nghiệp thành thị hoặc lân cận. Do đó, cần phải đặt chiến lược phát triển nông thôn Tây Nguyên trong chiến lược phát triển chung của vùng và đặc biệt là đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với thành thị. Cần có chính sách khuyến khích các trang trại tích tụ ruộng đất để mở rộng quy mô sản xuất, từ đó tăng cường áp dụng công nghệ, cơ khí hoá, hiện đại hoá, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh doanh. Khuyến khích các trang trại kinh doanh tổng hợp, nâng cao chất lượng hàng hoá, xây dựng thương hiệu; đẩy mạnh việc đào tạo, nâng cao trình độ quản lý, kinh doanh cho các chủ trang trại.

Về mặt quản lý xã hội, cái đích quan trọng của quản lý xã hội ở nông thôn Tây Nguyên hiện nay là khiến người

nông dân trở thành một “công dân” tuân thủ trật tự quản trị mới (pháp luật). Cần đặc biệt chú ý tới vai trò của các nhân tố quản trị khác ở Tây Nguyên, đặc biệt là vai trò của luật tục, các nhân vật có uy tín trong cộng đồng và tôn giáo. Do đó, cần phải tìm ra cơ chế và bước đi thích hợp với từng vùng, địa phương, tính tới các khác biệt văn hóa xã hội cụ thể để giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa các nhân tố quản trị.

Việc tiếp thu, kế thừa và phát huy giá trị của luật tục và các nhân vật có uy tín (già làng) cần phát triển theo hướng từng bước chuyển tải nội dung của pháp luật và hình thức của nó vào trong đời sống cộng đồng các dân tộc. Nghĩa là, “pháp luật hóa” luật tục có thể được thực hiện cả về hình thức lẫn nội dung. Những bằng chứng do nghiên cứu thực địa cung cấp cho thấy cộng đồng thôn bản có thể đóng vai trò tốt trong quản lý rừng, so với các tổ chức chính thức.

Xuất phát từ tình hình một xã hội nông thôn đã phân hóa sâu sắc thành các nhóm, các tầng lớp với những năng lực, nhu cầu khác nhau, vấn đề đặt ra là *cần hiểu đúng về sự biến đổi chân dung xã hội của cư dân nông thôn, vai trò của họ đối với phát triển nông nghiệp và nông thôn*. Trong bối cảnh hiện nay, khái niệm “vai trò chủ thể” của nông dân cần mở rộng hơn thành vai trò của các trang trại, hợp tác xã và doanh nghiệp. Đây là luận cứ then chốt về vai trò của nông dân Tây Nguyên nói riêng và Việt Nam nói chung. Trong khi tiếp tục các nỗ lực yểm trợ cho vai trò của nông hộ, cần thúc đẩy sự phát triển nhanh vai trò chủ thể của các tổ chức và hình thức hợp tác kinh tế mới trong nông thôn.

Vấn đề vẫn là những kiến tạo chính sách. Cần phải tạo nên những thể chế phát triển thích hợp để kích thích tính năng động sáng tạo của nông dân. Lịch sử nền nông nghiệp Việt Nam, từ chế độ kinh tế hợp tác tới khoán, sự bùng nổ của các nông hộ rồi lại quay lại chặng đường của kinh tế hợp tác, kinh tế trang trại thực chất là lịch sử tìm kiếm những thể chế phát triển, trong đó nông dân thực sự đóng vai trò trung tâm ✍

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Minh Đạo, 2010, Tổ chức và hoạt động buôn làng trong phát triển bền vững vùng Tây Nguyên, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Bế Viết Đăng và các tác giả, 1982, Đại cương về các dân tộc Ê đê, M nông ở Đắc Lắc, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
3. Bùi Quang Dũng, 2013, Nông dân - những vấn đề cơ bản và đương đại, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Đặng Kim Sơn, 2008, Nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam: Hôm nay và mai sau, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
5. Anne De Hauteclouque. Howe, 2004, Người Ê đê - Một xã hội mẫu quyền, NXB văn hóa dân tộc, Hà Nội.